TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày: 06/7/2018
Về việc: Tranh chấp về thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thùy Đông;

2. Bà Nguyễn Thị Hệ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2017/TLST-DS ngày 16/6/2017 về việc: Tranh chấp về thừa kế, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-DS ngày 28/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn S, sinh năm 1971.

Trú tại: Phố K, phường D, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1959.

Trú tại: Phố K, phường D, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1962.

Trú tại: Phố K, phường D, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966.

Trú tại: Số M, đường TH, phường G, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1969

Trú tại: Số A, đường NC, phường AH, quận K, thành phố Cần Thơ.

(Bà Nguyễn Thị A ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ph).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn S trình bầy:

Bố mẹ đẻ ông Nguyễn S là Nguyễn Tiến T, sinh năm 1939 (chết tháng 12 năm 2015) và Phạm Thị Đ, sinh năm 1936 (chết năm 2010). Cụ T và cụ Đ sinh được 05 người con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị A và Nguyễn S. Cụ T và cụ Đ trước đây ở trên thửa đất có diện tích đất hơn 1000m^2 tại Phố K, phường D, thành phố H, nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ đẻ cụ T. Theo bản đồ 299 thì diện tích đất này được chia làm 2 thửa, bố đẻ cụ T là Nguyễn Văn Th đứng tên thửa đất phía bên trong, cụ T đứng tên thửa đất phía ngoài giáp mặt đường. Sau khi bố mẹ cụ T chết thì vợ chồng cụ T quản lý, sử dụng cả thửa đất do cụ Th đứng tên. Trong quá trình sử dụng, khoảng năm 2000 vợ chồng cụ T có chuyển nhượng 112,5 m^2 cho bà H1 ở Hà Nội, diện tích đất còn lại khoảng 900m^2. Tháng 8 năm 2011 chị gái và em gái của cụ T là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ cùng với cụ T có họp gia đình, thống nhất cho cụ T được toàn quyền sử dụng diện tích đất của bố mẹ cụ T để lại. Năm 2010 khi cụ Đ còn khỏe mạnh, cụ Đ có mời cụ L, cụ Đ và tất cả các con (không có bà A vì ở xa) đến nhà họp gia đình, khi đó cụ Đ nói sau này vợ chồng cụ Đ chết sẽ cho ông S được thừa kế phần diện tích đất của vợ chồng cụ Đ mà trên đất đã xây nhà. Phần đất này giáp với đất mà vợ chồng cụ T đã cho ông S xây nhà. Khi đó cụ T không nói được nhưng cũng ra hiệu nhất trí với ý kiến của cụ Đ, mọi người còn lại không ai có ý kiến gì. Sau đó cụ Đ có đưa cho ông S một phong bì dán kín và dặn ông S khi nào vợ chồng cụ Đ chết thì mới được mở ra. Sau khi cụ Đ chết, đến tháng 8 năm 2015 ông H có mời tất cả các chị em ruột đến họp và thống nhất để cụ T thừa kế toàn bộ phần di sản của cụ Đ để lại. Lúc đó cụ T vẫn còn minh mẫn và cũng nhất trí với ý kiến của các con. Việc thống nhất này được lập thành Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, có chứng thực của Phòng công chứng. Sau đó cụ T đã chia diện tích đất của Cụ T (cả diện tích đất Cụ T được hưởng của cụ Đ) cho các con là ông H, ông S và cháu Nguyễn Đức H3 (con trai ông H) mỗi người một xuất đất, các bà Ph, H, A được cho một xuất (do bà Ph đứng tên). Việc cụ T cho các con và cháu đất được lập thành các Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và có sự chứng nhận của Văn phòng Công chứng PC, Hưng Yên. Sau khi cho, diện tích đất của cụ T còn lại là 115m^2, Cụ T đã được Sở tài nguyên và Môi trường Hưng Yên cấp GCNQSDĐ số CC 231556 ngày 13/11/2015. Anh chị em ông S và cháu H3 cũng đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất được cụ T cho. Việc cụ T phân chia đất cho các con hoàn toàn phù hợp với ý nguyện của vợ chồng cụ T khi còn sống khỏe mạnh. Sau khi cụ T chết, ông S có mở phong bì mà trước đây cụ Đ đưa cho thì thấy bên trong có một Bản di chúc "Chuyển quyền thừa kế cho con" của bố mẹ ông S, bản di chúc được viết ngày 09/6/2009, có xác nhận của ông Bùi Tuấn Anh - Phó Chủ tịch UBND phường Lam Sơn, thành phố H. Năm 2009 ông S vẫn đang ở nước ngoài nên ông S không biết bản di chúc đó vợ chồng cụ T nhờ ai viết, chữ ký trong bản di chúc đúng là chữ ký của cụ Đ, Cụ T lúc đó bị liệt bên phải nên điểm chỉ. Theo bản di chúc này thì bố mẹ ông S có chia cho mỗi người con trai một phần đất, ba người con gái được

một phần đất, phần đất còn lại (khoảng 115m^2) có ngôi nhà của bố mẹ ông S thì di chúc cho ông S được hưởng sau khi bố mẹ ông S chết. Bản di chúc này hoàn toàn phù hợp với việc cụ T phân chia đất cho các con năm 2015. Sau khi biết có bản di chúc ông S không nói với ai vì lúc đó cụ T mới chết, nhưng do vợ chồng ông H nhiều lần có những thái độ, lời lẽ không đúng, gây sự và xúc phạm vợ chồng ông S, yêu cầu ông S phải giao lại ngôi nhà của bố mẹ cho ông H nên ông S đã mời hai bên họ hàng nội, ngoại và tất cả anh chị em (không có bà A) đến để công bố di chúc, khi đó tất cả mọi người đều nhất trí ngoại trừ ông H. Vì vậy ông S đề nghị Tòa án giải quyết cho ông S được hưởng toàn bộ di sản này theo di chúc mà bố mẹ ông S đã lập.

Đến ngày 21/3/2018 ông Nguyễn S có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện. Cụ Thể là rút yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc, thay bằng yêu cầu:

- Hủy bản di chúc do cụ T và cụ Đ lập ngày 09/6/2009 do bản di chúc không hợp pháp vì không có người làm chứng, việc xác nhận của chính quyền địa phương không rõ ràng và không ghi thời gian xác nhận;

- Xác định di sản của cụ T để lại gồm 115,6m^2 đất và nhà trên đất và đề nghị chia di sản của tụ T để lại theo pháp luật. Ông S có nhu cầu sử dụng di sản và sẽ trả chênh lệch cho các các kỷ phần khác bằng tiền.

- Đề nghị áng trích công sức cho ông S cùng vợ là Lê Thị Nh trong việc chăm sóc vợ chồng cụ T từ năm 2006 đến năm 2015. Tuy nhiên đến ngày 09/5/2018 ông S đã có đơn xin rút yêu cầu áng trích công sức cho ông S cùng vợ là Lê Thị Nh với lý do việc chăm sóc bố mẹ là nghĩa vụ của con cái.

Theo bản tự khai và các văn bản bổ sung, bị đơn ông Nguyễn Quang H trình bầy:

Về hàng thừa kế ông H nhất trí với quan điểm của ông S. Bố mẹ ông H trước đây ở cùng với ông bà nội ông H trên diện tích đất hơn 1000m^2 tại Phố K, phường D, thành phố H. Sau khi ông bà nội ông H qua đời thì bố mẹ ông H quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất này. Khoảng năm 2004, bố mẹ ông H đã chuyển nhượng 112,5m^2 đất cho bà H1 ở Hà Nội, diện tích còn lại khoảng hơn 900m^2. Ngày 28/5/2011 cụ T cùng hai người là chị và em ruột của cụ T họp gia đình thống nhất cho cụ T được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất của bố mẹ để lại. Ngày 28/5/2013 UBND thành phố H đã cấp GCNQSDĐ số BK 882219 cho cụ T, diện tích được sử dụng là 945,1m^2 đất (trong đó có 433m^2 đất thổ cư và 501,1m^2 đất vườn). Trong quá trình sử dụng, vợ chồng cụ T đã xây dựng trên đất 01 nhà cấp 4 loại 3 gian, diện tích sử dụng khoảng 40m^2. Do trước khi chết mẹ ông H không để lại di chúc nên ngày 03/9/2015 cụ T cùng tất cả các con họp gia đình và thống nhất để cụ T được hưởng toàn bộ di sản của cụ Đ để lại. Việc thỏa thuận này được lập thành Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, có chứng nhận của Văn phòng công chứng PC, Hưng Yên. Sau đó cụ T đã chia đất cho các con và cháu H3 là con trai lớn của ông H. Việc cho đất được lập thành các Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, có chứng nhận của Văn phòng công chứng PC, Hưng Yên. Sau khi cho thì cụ T còn lại 115m^2 đất và đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hưng Yên đã cấp GCNQSDĐ số CC 231556 ngày 13/11/2015 cho cụ T. Ngày 27/12/2015 cụ T chết và không để lại di chúc nên

anh em ông H thống nhất để nhà và đất của cụ T để lại làm nhà thờ. Khoảng tháng 8 năm 2016 ông S có tổ chức họp gia đình và cho mọi người biết có bản di chúc của cụ Đ và cụ T lập ngày 09/6/2009. Ông H xác định bản di chúc này không hợp pháp vì: Bản di chúc được lập năm 2009 nhưng đến năm 2013 cụ T mới được quyền sử dụng cả diện tích đất của ông bà nội ông H để lại; khi vợ chồng cụ T lập di chúc thì ông S đang ở nước ngoài; anh em ông H chưa bao giờ nghe thấy việc vợ chồng cụ T lập di chúc; ngày 03/9/2015 khi cụ T và tất cả các con họp gia đình để thỏa thuận phân chia di sản của cụ Đ để lại thì tất cả đều xác định cụ Đ chết không để lại di chúc; khi ông S mở di chúc thì anh em ông H không được tham gia. Vì vậy ông H không nhất trí với yêu cầu của ông S về việc chia thừa kế theo di chúc. Sau khi ông S thay đổi yêu cầu khởi kiện, quan điểm của ông H như sau:

- Nhất trí với yêu cầu của ông S là hủy bản di chúc do cụ T và cụ Đ đã lập;

- Nhất trí với quan điểm của ông S về việc xác định di sản của cụ T để lại gồm 115,6m^2 đất do cụ T đứng tên trong GCNQSDĐ và nhà trên đất vì Sau khi cụ Đ chết thì cụ T cùng các con đã thống nhất để cụ T được hưởng toàn bộ phần di sản của cụ Đ, sau đó cụ T đã chia đất cho các con và cháu thì cụ T còn lại diện tích 115,6m^2 đất, cụ T đã được đứng tên trong GCNQSDĐ, trên đất có 01 nhà cấp 4;

- Ông H có nguyện vọng chuyển toàn bộ di sản của cụ T làm nhà thờ dòng họ Nguyễn nhưng do ông S không đồng ý và yêu cầu chia di sản theo pháp luật nên ông H đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Ph và Nguyễn Thị A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bầy:

Về hàng thừa kế và nguồn gốc tổng diện tích đất hơn 900m^2 đất của vợ chồng cụ T, cũng như 115m^2 đất tại Phố K, phường D, thành phố H do cụ T đứng tên trong GCNQSDĐ, bà Ph và bà A nhất trí với ý kiến của ông S, ông H trình bầy. Khi cụ Đ chết, anh chị em bà Ph không biết cụ Đ có để lại di chúc hay không. Cụ T chết ngày 17/11/2015 (âm lịch), không để lại di chúc. Sau khi cụ Đ chết, giữa ông H và ông S đã xảy ra mâu thuẫn, chị em bà Ph đến can thì ông H đuổi chị em bà Ph, thậm chí còn đánh bà Ph. Ông S có mời hai bên họ hàng nội ngoại đến họp gia đình, tại buổi họp đó ông S có nói lúc bố mẹ còn sống, cụ Đ có đưa cho ông S một chiếc phong bì và dặn khi nào bố mẹ chết đi mới được mở phong bì, tại buổi họp đó ông S đã mở phong bì, bên trong là bản di chúc của cụ T và cụ Đ có nội dung là bố mẹ bà Ph để lại cho ông S được hưởng thừa kế toàn bộ diện tích đất của cụ T và cụ Đ và ngôi nhà cấp 4 trên đất. Lúc đó chỉ có ông H không nhất trí còn tất cả mọi người đều nhất trí vì thấy đúng với ý nguyện của vợ chồng cụ T trước đây. Qua tìm hiểu thì bà Ph, bà A được biết bản di chúc do bố mẹ bà lập năm 2009 không đúng các quy định của pháp luật vì không có người làm chứng, việc xác nhận của chính quyền địa phương không rõ ràng, không có thời gian xác nhận. Vì vậy bà Ph, bà A nhất trí với việc ông S xin rút yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc, và yêu cầu hủy bản di chúc mà cụ T và cụ Đ đã lập ngày 09/6/2009. Bà Ph, bà A nhất trí với quan điểm của ông S xác định 115,6m^2 đất do cụ T được đứng tên trong GCNQSDĐ và 01 nhà cấp 4 trên đất là di sản của cụ T để lại sau khi chết. Đồng thời nhất trí với yêu cầu của ông S đề nghị chia

di sản của cụ T để lại theo pháp luật. Do là con gái và cũng đã được cụ T cho đất nên bà Ph, bà A tự nguyện cho ông S được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Ph, bà A vì ông S đã có công sức rất lớn trong việc chăm sóc bố mẹ khi đau ốm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bầy: Khi còn sống, bố mẹ bà H có khoảng hơn 850m^2 đất tại Phố K, phường D, thành phố H, nguồn gốc là do ông bà nội bà H để lại cho bố bà H. Khi còn nhỏ, bà H không biết gì, khi trưởng thành thì đi lấy chồng và có một thời gian ở nước ngoài nên bà H không nắm rõ về các giấy tờ có liên quan, cũng như diễn biến đối với thửa đất của bố mẹ bà H. Trước kia bố mẹ bà H có chia cho ông H, ông S mỗi người một xuất đất, ba chị em gái bà H được cho một xuất đất, diện tích còn lại là của bố mẹ bà H đã xây nhà trên đó. Bà H có nghe kể lại là khi còn sống cụ Đ có tổ chức họp gia đình và có nói ý nguyện của cụ Đ và Cụ T sẽ cho ông S được thừa kế nhà và đất của bố mẹ bà H. Bà H chỉ biết vậy, còn bố mẹ bà có lập di chúc hay không thì bà H không biết. Sau khi cụ T chết, giữa ông H và ông S xảy ra mâu thuẫn, ông S đã tổ chức họp gia đình và công bố bản di chúc của cụ T và cụ Đ. Do không có nhà nên bà H không biết việc ông S có bản di chúc đó ra sao, mở di chúc vào thời gian nào và có ai làm chứng hay không. Ông S xứng đáng được hưởng di sản của bố mẹ để lại nên bà H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu của ông S. Trong trường hợp bản di chúc của bố mẹ bà H để lại không hợp pháp, ông S có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề gì thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá tài sản tranh chấp, kết quả như sau:

- Thửa đất tranh chấp có diện tích 115,7m^2. Các đương sự thống nhất lấy theo diện tích trong GCNQSDĐ đã được cấp là 115,6m^2, giá trị 462.400.000đ.

- Tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 lợp ngói, diện tích 41,5m^2, bếp, bể nước, nhà vệ sinh, sân gạch, tường rào, cổng sắt. Tổng trị giá công trình xây dựng là 81.850.945đ.

Tổng trị giá đất và công trình trên đất là: 544.250.945đ *(Năm trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm lăm mươi ngàn chín trăm bốn mươi năm ngàn đồng).*

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên.

* Quan điển của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố H đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đ□a vụ án ra xét xử, yêu cầu khởi kiện bổ sung tại phiên tòa cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 4 Điều 625, Điều 656, khoản 2 Điều 658 của BLDS năm 2005; Điều 610, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của BLDS năm 2015; khoản 9 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn S về việc hủy Bản di chúc "Chuyển quyền thừa kế cho con" do cụ Nguyễn Tiến T và cụ Phạm Thị Đ lập ngày 09/6/2009.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự xác nhận di sản của cụ T để lại gồm: Quyền sử dụng 115,6m^2 đất tại địa chỉ thôn Kim Đằng, phường Lam Sơn, thành phố H theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CC231556 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 13/11/2015, tên người sử dụng: Nguyễn Tiến T; Tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 lợp ngói, diện tích 41,5m2, bếp, bể nước, nhà vệ sinh, sân gạch, tường rào, cổng sắt. Tổng trị giá di sản là: 544.250.945đồng.

- Chia di sản của cụ Nguyễn Tiến T để lại như sau: Giao cho ông S quản lý, sử dụng toàn bộ di sản của cụ T như nêu trên; Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị A về việc cho ông S hưởng kỷ phần của hai bà và không phải trả chênh lệch bằng tiền cho hai bà; Ông S phải trả chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị H mỗi người một kỷ phần = 1/5 tổng di sản thừa kế tương ứng với số tiền là: 108.850.189 đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trả chênh lệch nêu trên, hàng tháng ông Nguyễn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn ông S xác định diện tích 115,6m^2 đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 57 ở Phố K, phường D, thành phố H và công trình xây dựng trên đất là di sản của cụ Nguyễn Tiến T để lại. Ông S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc, sau đó thay đổi thành chia di sản thừa kế theo pháp luật, như vậy quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về thừa kế", Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Phạm Thị Đ chết năm 2010, cụ Nguyễn Tiến T chết năm 2015, ngày 05/6/3017 ông S khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, như vậy việc ông S làm khởi kiện nằm trong thời hạn khởi kiện quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX áp dụng Điều 227 của Bộ luật dân sự, xét xử vắng mặt bà H.

[4] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

Theo các đương sự trình bầy thì Cụ Nguyễn Tiến T trước đây ở cùng với bố mẹ đẻ cụ T là Nguyễn Văn Th và Nguyễn Thị S trên thửa đất có diện tích khoảng hơn

1000m^2 tại Phố K, phường D, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, nguồn gốc thửa đất này là do các cụ để lại cho vợ chồng cụ S. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng cụ Th đã cho cụ T một phần diện tích đất có bề mặt giáp đường, còn vợ chồng cụ Th ở phía sau của thửa đất. Xác minh tại UBND phường Lam Sơn, thành phố H đã xác định: Tại sổ mục kê và bản đồ 299 thì cụ Nguyễn Tiến T đứng tên kê khai sử dụng hai thửa đất gồm thửa số 209 và thửa 474 thuộc tờ bản đồ số 6, cả hai thửa đất trên đều nằm tại Phố K, phường D, thành phố H. Thửa 209 có diện tích 256m^2, loại đất ao; thửa 474 có diện tích 225m^2, loại đất thổ cư. Theo nắm bắt thì cả hai thửa đất này cụ T được bố mẹ đẻ của cụ T cho. Cụ Nguyễn Văn Th - bố đẻ cụ T đứng tên kê khai sử dụng thửa số 207, tờ bản đố số 6, có diện tích 330m^2, loại đất thổ cư. Thửa đất này của cụ Th tiếp giáp với cạnh cuối của thửa số 474 do cụ T đứng tên (không có cạnh tiếp giáp với đường đi). Sau khi vợ chồng cụ Th chết, vợ chồng cụ T tiếp tục sử dụng cả thửa đất do cụ Thưởng đứng tên. Tháng 8 năm 2011 cụ T cùng chị gái và em gái của cụ T là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Đ đã lập biên bản họp gia đình thống nhất cho cụ T sử dụng diện tích đất của bố mẹ cụ T để lại. Ngày 28/5/2013 UBND thành phố H đã cấp GCNQSDĐ số BK 882219 cho cụ T, diện tích được sử dụng là 945,1m^2 đất (trong đó có 433m^2 đất thổ cư và 501,1m^2 đất vườn). Trong quá trình sử dụng, vợ chồng cụ T đã bán một phần đất và chia cho ông H, ông S và cháu Hạnh (con ông H) mỗi người một xuất đất, ba người con gái được một xuất đất, diện tích còn lại khoảng 115m^2 vợ chồng Cụ T đã xây một nhà cấp 4. Năm 2010 cụ Đ chết, đến năm 2015 Cụ T cùng 5 người con lập Biên bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, theo đó cụ T được hưởng toàn bộ di sản của cụ Đ để lại là 1/2 diện tích đất do cụ T đứng tên và nhà trên đất. Sau khi thống nhất xong thì cụ T đã lập các Hợp đồng tặng cho các con và cháu Hạnh đất theo đúng diện tích đất mà vợ chồng cụ đã chia cho các con trước đây. Diện tích còn lại 115,6m^2 cùng ngôi nhà cấp 4 trên đất, cụ T đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 231556 ngày 13/11/2015. Do đó việc các đương sự thống nhất xác định 115,6m^2 cùng ngôi nhà cấp 4 và các công trình xây dựng khác trên đất là di sản của cụ Nguyễn Tiến T để lại là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Tiến T và cụ Phạm Thị Đ là vợ chồng. Vợ chồng cụ T sinh được 5 người con là Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị Ph, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị A và Nguyễn S. Ngoài ra vợ chồng cụ T không có người con đẻ hoặc con nuôi hợp pháp nào khác. Cụ Đ chết năm 2010, cụ T chết năm 2015, do vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ T là 5 người con của các cụ như đã nêu trên.

[6] Về yêu cầu hủy Bản di chúc "chuyển quyền thừa kế cho con" của cụ Nguyễn Tiến T và Phạm Thị Đ lập ngày 09/6/2009.

Các đương sự đều khẳng định tại thời điểm lập di chúc cụ T tuy rất tỉnh táo nhưng bị liệt người không đi lại và không viết được, không biết ai là người lập hộ bản di chúc đó. Như vậy tại thời điểm lập di chúc thì cụ T bị hạn chế về thể chất và cụ Đ không trực tiếp lập văn bản di chúc. Căn cứ khoản 4 Điều 625 và Điều 656 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc di chúc phải được người làm chứng lập thành văn bản và có

công chứng, chứng thực, phải có ít nhất hai người làm chứng trở lên. Tuy nhiên văn bản di chúc của cụ Đ, Cụ T lại không có người làm chứng, người lập hộ di chúc cũng không ký vào văn bản. Đối với việc chứng thực của UBND phường Lam Sơn, thành phố H khi chứng thực vào văn bản di chúc đã vi phạm khoản 2 Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2005, cụ Thể là không yêu cầu người làm chứng ký vào bản di chúc trước mặt người có thẩm quyền chứng thực. Mặt khác ở phần xác nhận, không thể hiện UBND phường Lam Sơn xác nhận bản di chúc đó vào thời gian nào. Ông Bùi Tuấn Anh - nguyên Phó Chủ tịch UBND phường Lam Sơn, là người ký xác nhận bản di chúc đã xác nhận: Nội dung xác nhận trong bản di chúc là do bộ phận văn phòng viết, do sơ suất ông Tuấn Anh không xem nội dung văn bản nên đã ký xác nhận; ông Tuấn Anh không nắm rõ được nội dung cụ Thể của bản di chúc, ai là người đến xin xác nhận, cán bộ văn phòng có chứng kiến bà Đ ký, ông T điểm chỉ vào văn bản hay không. Từ những phân tích trên xác định Bản di chúc do cụ T và cụ Đ lập ngày 09/6/2009 là không hợp pháp.

Mặc dù bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là hủy Bản di chúc do cụ T và cụ Đ lập ngày 09/6/2009 do di chúc không hợp pháp nhưng theo quy định tại Điều 640 Bộ luật dân sự 2015 có quy định: *Người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đã lập bất cứ lúc nào*. Ngoài quy định này thì không có văn bản pháp luật nào quy định về việc cơ quan, tổ chúc, cá nhân khác không phải là người đã lập di chúc có quyền hủy bỏ di chúc. Do vậy yêu cầu về việc hủy di chúc của nguyên đơn không được chấp nhận. Tuy nhiên việc di chúc không hợp pháp sẽ được xác định trong bản án.

[7] Về yêu cầu phân chia di sản của cụ T theo pháp luật.

Tất cả 5 người con của cụ T đều nhất trí chia di sản của cụ T để lại theo quy định của pháp luật. Theo Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2015 thì mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật, vì vậy di sản của cụ T được chia đều cho 5 người con của cụ T. Di sản của cụ T để lại có tổng trị giá là: 544.250.945đ nên mỗi kỷ phần sẽ được hưởng phần di sản có giá trị là: 544.250.945đ : 5 = 108.850.189đ.

Đối với kỷ phần mà bà Ph và bà A được hưởng, bà Ph, bà A tự nguyện cho ông S được hưởng và không yêu cầu ông S phải trả chênh lệch cho hai bà. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận, như vậy tổng giá trị di sản ông S được hưởng là: 108.850.189đ x 3 = 326.550.567đ.

Xét nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật của nguyên đơn ông S: Diện tích đất của ông S được cụ T cho trước đây giáp ranh với đất là di sản; nếu chia đều diện tích đất cho 5 kỷ phần thì mỗi kỷ phần sẽ được 23,12m^2 đất, diện tích này không đáp ứng quy định của Nhà nước về diện tích tối thiểu được cấp GCNQSDĐ; bản thân ông S được hưởng 3/5 di sản của của cụ T. Do vậy để đảm bảo tính ổn định và giá trị sử dụng di sản nên sẽ giao cho ông S quản lý, sử dụng toàn bộ di sản của cụ T để lại gồm QSDĐ và công trình xây dựng trên đất, ông S phải có trách nhiệm trả chênh lệch cho ông H và bà H mỗi người 108.850.189đ.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 625, Điều 656, khoản 2 Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 610, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn S về việc hủy Bản di chúc "Chuyển quyền thừa kế cho con" do cụ Nguyễn Tiến T và cụ Phạm Thị Đ lập ngày 09/6/2009.

Xác định Bản di chúc "Chuyển quyền thừa kế cho con" do cụ Nguyễn Tiến T và cụ Phạm Thị Đ lập ngày 09/6/2009 là không hợp pháp.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, xác định di sản của cụ Nguyễn Tiến T để lại gồm:

- 115,6m^2 đất tại thửa số 90, tờ bản đồ số 57, loại đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ thửa đất: Phố K, phường D, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và trài sản gắn liền với đất số CC 231556 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên cấp ngày 13/11/2015, tên người sử dụng: Nguyễn Tiến T.

- Tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 lợp ngói, diện tích 41,5m^2, bếp, bể nước, nhà vệ sinh, sân gạch, tường rào, cổng sắt.

Tổng trị giá di sản là: 544.250.945 đồng.

3. Chia di sản của cụ Nguyễn Tiến T để lại như sau:

- Giao ông Nguyễn S quản lý, sử dụng toàn bộ di sản của cụ Nguyễn Tiến T gồm: 115,6m^2 đất tại thửa số 90, tờ bản đồ số 57, loại đất trồng cây hàng năm khác, địa chỉ thửa đất: Phố K, phường D, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và trài sản gắn liền với đất số CC 231556 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hưng Yên cấp ngày 13/11/2015, tên người sử dụng: Nguyễn Tiến T; Tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4 lợp ngói, diện tích 41,5m^2, bếp, bể nước, nhà vệ sinh, sân gạch, tường rào, cổng sắt.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất kèm theo).

- Ông Nguyễn S có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị H mỗi người là 108.850.189 đồng.

- Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ph, bà Nguyễn Thị A về việc cho ông Nguyễn S được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Ph, bà A và không yêu cầu ông S phải trả chênh lệch bằng tiền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị H có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trả chênh lệch nêu trên, hàng tháng ông Nguyễn S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn S phải chịu 16.327.567 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng an phí ông S đã nộp là 2.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 002840 ngày 15/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Ông S còn phải nộp 13.827.567 đồng án phí.

- Ông Nguyễn Quang H và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 5.442.509đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ph; Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị H. Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND TP H;
- Các đ- ơng sự;
- TA tỉnh H- ng Yên;
- THA dân sự TP H.
- L- u hồ sơ.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lý